ENGLISH 7

THEME 8: ENERGY-LESSON 4

I. VOCABULARY (từ vựng)

- 1. air conditioner (n): máy điều hòa không khí
- 2. fan (n): quạt
- 3. give prizes to sb (v): trao thưởng cho ai
- 4. have sth on (v): bật cái gì
- 5. leave (v): rời khỏi
- 6. LED light (n): đèn led
- 7. light bulb (n): bóng đèn
- 8. normal (a): bình thường
- 9. plastic bag / bottle (n): túi / chai nhựa
- 10. protect (v): bảo vệ
- 11. put (put) (v): đặt, để
- 12. remember (v): nhớ
- 13. remove (v): di chuyển
- 14. replace (v): thay thế
- 15. reuse(d) (v): sử dụng lại
- 16. save energy (v): tiết kiệm năng lượng
- 17. take up a lot of room (v): chiếm diện tích lớn
- 18. tip (on/for) (n): gợi ý, lời khuyên
- 19. turn off (v): tắt \neq turn on (v): mở

Ngữ liệu page 80/ students book

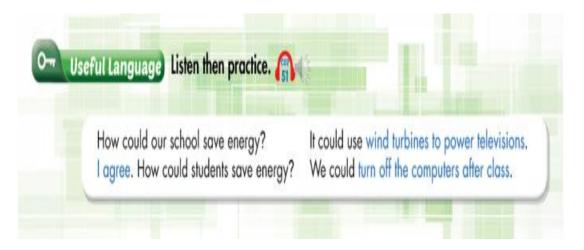
match the words with the phrases (Em hãy nối từ với câu cho phù hợp)



Keys:



II. USEFULL LANGGUAGE:



III. GRAMMAR:

	S + can + should / could + V : ai có thể/ nên/ có thể làm gì
	→ lời đề nghị
1. could /should /	Ex: Schools near rivers or oceans could use hydropower.
can	We should plant more trees.
	We <u>can use</u> wind power, too.

IV. EXCERCISES:

Rewrite the following sentences in such a way that they mean the same as the original sentences.

1. It's a good idea to eat a lot of fruit and vegetables every day.	
We should	
2.	
Complete the sentences using could, couldn't or managed to	

- 1. My grandfather travelled a lot. He could speak five languages.
- 2. I looked everywhere for the book, but I..... find it.
- 3. Jessica had hurt her foot andwalk very well.
- 4. The walls were thin and Ihear people talking in the next room.
- 5. My grandmother loved music. Sheplay the piano very well.
- 6. We wanted to go to the concert, but weget tickets.

Keys:

- 2.couldn't
- 3. couldn't
- 4. could
- 5. could
- 6. couldn't